

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110400701

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung - (04034)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100110	Trần Cao Ngọc Bình	29/04/1998		10.0	mười	C18QT	+
2	1610100120	Đặng Thị Hồng Đào	18/07/1998		7.0	bảy	C18QT	
3	1610100081	Phạm Thị Diệp	18/08/1998		7.5	bảy rưỡi	C18QT	+
4	1610100078	Nguyễn Tuyết Ngân Giang	07/03/1998		3.0	ba	C18QT	+
5	1610100107	Đoàn Quang Hào	02/03/1998		8.0	tám	C18QT	+
6	1610100130	Nguyễn Thị Thanh Hạ	09/09/1998		8.0	tám	C18QT	+
7	1610100080	Trần Hữu Hạnh	28/12/1998		8.0	tám	C18QT	+
8	1610100158	Lương Tấn Hoài	20/06/1996		7.0	bảy	C18QT	+
9	1610100147	Bùi Thanh Hòa	04/03/1998		10.0	mười	C18QT	+
10	1610100059	Lê Thị Mai Hương	27/02/1998		10.0	mười	C18QT	+
11	1610100038	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/1997		7.0	bảy	C18QT	
12	1610100016	Nguyễn Thanh Long	14/07/1998		6.0	sáu	C18QT	
13	1610110064	Bùi Thị Diễm Mi	02/05/1998		8.0	tám	C18KT	
14	1610110042	Nguyễn Thị Ngọc Nga	01/12/1997		10.0	mười	C18KT	
15	1610100162	Phạm Thị Thúy Nga	20/05/1998		7.0	bảy	C18QT	+
16	1510100057	Võ Thị Thúy Nga	08/11/1997		9.0	chín	C17QT	
17	1510110001	Huỳnh Mỹ Ngọc	26/02/1997		7.0	bảy	C17KT	
18	1610100159	Lâm Thúy Nhi	13/05/1998		5.0	năm	C18QT	+
19	1610110065	Lâm Hoàng Kim Oanh	02/06/1998		7.0	bảy	C18KT	
20	1610100009	Võ Hoàng Oanh	25/10/1995		5.0	năm	C18QT	
21	1610110040	Trần Thanh Phát	06/06/1998		7.5	bảy rưỡi	C18KT	
22	1610110063	Nguyễn Châu Huệ Quyên	01/08/1997		10.0	mười	C18KT	+
23	1610100127	Hà Duy Tân	19/05/1998		8.0	tám	C18QT	+
24	1310100001	Đỗ Thị Thu Thảo	27/12/1995		10.0	mười	C15QT2	
25	1610100112	Hứa Thị Thu Thảo	22/8/1998				C18QT	-
26	1610100122	Nguyễn Thị Thảo	05/12/1994		8.5	tám rưỡi	C18QT	+
27	1610100160	Lê Quang Thiện	13/10/1994		8.0	tám	C18QT	+
28	1610110067	Trần Nguyễn Anh Thư	18/5/1998		10.0	mười	C18KT	
29	1610100015	Lê Thị Thương	07/01/1998		7.5	bảy rưỡi	C18QT	+
30	1610100069	Nguyễn Quang Tiễn	10/01/1994		8.0	tám	C18QT	+
31	1610100104	Phạm Minh Tiễn	18/05/1998		8.0	tám	C18QT	+
32	1610110080	Trần Thùy Trang	27/09/1998		10.0	mười	C18KT	
33	1510100029	Võ Thị Huyền Trân	11/01/1997		8.0	tám	C17QT	
34	1610100095	Trần Ngọc Phương Trinh	05/10/1998		8.0	tám	C18QT	

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã Trúc	22/08/1998	<i>[Signature]</i>	8.0	<i>tam</i>	C18QT	
36 1510100091	Nguyễn Yến Vy	13/9/1997	<i>[Signature]</i>	8.0	<i>tam</i>	C17QT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 1 Số bài thi: 35 / 35.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 9 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Kim Anh

Ngày: 09 tháng 07 năm 18

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007

Mã lớp học phần: 110400701

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung

Ngày thi: 23/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: Nguyễn Đức Thanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trương T.N. Thu Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Bình	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100110	Trần Cao Ngọc	Bình	29/04/1998	<u>[Signature]</u>	1	9.5	chín năm	C18QT	1
2	1610100120	Đặng Thị Hồng	Đào	18/07/1998	<u>[Signature]</u>	1	6.8	sáu tám	C18QT	1
3	1610100081	Phạm Thị	Điệp	18/08/1998	<u>[Signature]</u>	1	8.0	tám	C18QT	R HP
4	1610100078	Nguyễn Tuyết Ngân	Giang	07/03/1998	<u>[Signature]</u>	1	8.0	tám	C18QT	
5	1610100107	Đoàn Quang	Hào	02/03/1998	<u>[Signature]</u>	1	6.5	sáu năm	C18QT	
6	1610100130	Nguyễn Thị Thanh	Hạ	09/09/1998	<u>[Signature]</u>	1	6.0	sáu	C18QT	29755
7	1610100080	Trần Hữu	Hạnh	28/12/1998	<u>[Signature]</u>	1	6.0	sáu	C18QT	
8	1610100138	Trương Tấn	Hoài	20/06/1996	<u>[Signature]</u>	1	5.5	năm năm	C18QT	
9	1610100140	Bùi Thanh	Hòa	04/03/1998	<u>[Signature]</u>	1	6.0	sáu	C18QT	
10	1610100059	Trần Thị	Hương	27/02/1998	<u>[Signature]</u>	1	2.5	hai năm	C18QT	
11	1610100038	Nguyễn Thị Kim	Loan	13/02/1997	<u>[Signature]</u>	1	5.5	năm năm	C18QT	
12	1610100016	Nguyễn Thanh	Long	14/07/1998	<u>[Signature]</u>	1	2.8	hai tám	C18QT	29725
13	1610110064	Bùi Thị Diễm	Mi	02/05/1998	<u>[Signature]</u>	1	7.0	bảy	C18KT	
14	1610110042	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	01/12/1997	<u>[Signature]</u>	1	6.0	sáu	C18KT	
15	1610100162	Phạm Thị Thủy	Nga	20/05/1998	<u>[Signature]</u>	1	3.3	ba ba	C18QT	
16	1510100057	Võ Thị Thúy	Nga	08/11/1997	<u>[Signature]</u>	1	5.0	năm	C17QT	
17	1510110001	Huỳnh Mỹ	Ngọc	26/02/1997	<u>[Signature]</u>	1	5.3	năm ba	C17KT	
18	1610100159	Lâm Thúy	Nhi	13/05/1998	<u>[Signature]</u>	1	5.5	năm năm	C18QT	
19	1610110065	Lâm Hoàng Kim	Oanh	02/06/1998	<u>[Signature]</u>	1	5.5	năm năm	C18KT	
20	1610100009	Võ Hoàng	Oanh	25/10/1995	<u>[Signature]</u>	1	4.0	bốn	C18QT	
21	1610110040	Trần Thanh	Phát	06/06/1998	<u>[Signature]</u>	1	5.5	năm năm	C18KT	
22	1610110063	Nguyễn Châu Huệ	Quyên	01/08/1997	<u>[Signature]</u>	1	6.0	sáu	C18KT	
23	1610100127	Hà Duy	Tân	19/05/1998	<u>[Signature]</u>	1	2.0	hai	C18QT	29759
24	1310100001	Đỗ Thị Thu	Thảo	27/12/1995	<u>[Signature]</u>	1	10.0	mười	C15QT2	
25	1610100112	Hứa Thị Thu	Thảo	22/8/1998	<u>[Signature]</u>	1			C18QT	Nợ HP
26	1610100122	Nguyễn Thị	Thảo	05/12/1994	<u>[Signature]</u>	1	8.0	tám	C18QT	
27	1610100160	Lê Quang	Thiện	13/10/1994	<u>[Signature]</u>	1	8.0	tám	C18QT	29701
28	1610110067	Trần Nguyễn Anh	Thư	18/5/1998	<u>[Signature]</u>	1	7.5	bảy năm	C18KT	2
29	1610100015	Lê Thị	Thương	07/01/1998	<u>[Signature]</u>	1	6.5	sáu năm	C18QT	29704
30	1610100069	Nguyễn Quang	Tiến	10/01/1994	<u>[Signature]</u>	1	8.5	tám năm	C18QT	
31	1610100104	Phạm Minh	Tiến	18/05/1998	<u>[Signature]</u>	1	3.5	ba năm	C18QT	
32	1610110080	Trần Thủy	Trang	27/09/1998	<u>[Signature]</u>	1	8.0	tám	C18KT	

	Mã SV	Họ và tên	Trên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1510100029	Võ Thị Huyền	Trên	11/01/1997					C17QT	
34	1610100095	Trần Ngọc Phương	Trinh	05/10/1998			6.5	Sau mười	C18QT	0029790
35	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã	Trúc	22/08/1998		1	10.0	mười	C18QT	
36	1510100091	Nguyễn Yên	Vy	13/9/1997					C17QT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 33 vắng thi: 03 Số bài thi/Số tờ: 33 / 33

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Anh

Ngày 25 tháng 07 năm 18

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung

